VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 84/2019/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2019*

THÔNG TƯ

Quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người

Căn cứ Luật Phòng, chống mua bán người ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân, nội dung và mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người.

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng

a) Thông tư này quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân; nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người (sau đây gọi tắt là Nghị định số 09/2013/NĐ-CP) từ nguồn dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật;

b) Trường hợp sử dụng nguồn hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho công tác hỗ trợ nạn nhân, chế độ hỗ trợ nạn nhân thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và nhà tài trợ; trường hợp nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ và Bộ Tài chính chưa có thỏa thuận về mức chi thì áp dụng theo mức chi quy định tại Thông tư này.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân, chế độ hỗ trợ nạn nhân trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các Bộ, ngành và địa phương theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Ngân sách địa phương hỗ trợ cho các cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân ngoài công lập để hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại, hỗ trợ y tế, hỗ trợ tâm lý cho nạn nhân theo quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP và mức chi quy định tại Thông tư này trên cơ sở số nạn nhân được cơ sở trợ giúp.

3. Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

4. Các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nội dung và mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân

Nội dung và mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Thông tư này hướng dẫn cụ thể một số nội dung, mức chi sau:

1. Chi công tác phí cho cán bộ phục vụ hoạt động xác minh, tiếp nhận, giải cứu, bảo vệ và vận chuyển nạn nhân; tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn nghiệp vụ; kiểm tra công tác hỗ trợ nạn nhân. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

2. Chi hợp tác quốc tế trong việc tiếp nhận, xác minh nạn nhân. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí; Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước; Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/chương trình sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và Thông tư số 192/2011/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính.

3. Chi chế độ làm đêm, thêm giờ: Thực hiện theo quy định của Bộ luật lao động và Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

4. Chi xây dựng cơ sở dữ liệu và cập nhật thông tin về nạn nhân: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

5. Chi thuê, mua sắm trang thiết bị đặc thù phục vụ xác minh, tiếp nhận, giải cứu, bảo vệ nạn nhân thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về đấu thầu.

6. Chi thông tin liên lạc, in ấn tài liệu, văn phòng phẩm, chi khác có liên quan đến công tác hỗ trợ nạn nhân. Mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

7. Chi lập hồ sơ nạn nhân, mức chi 100.000 đồng/01 hồ sơ (bao gồm cả ảnh, biên bản xác minh, biên bản bàn giao nạn nhân).

8. Chi hỗ trợ người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trực tiếp tham gia quản lý, bảo vệ nạn nhân. Mức chi tối đa 200.000 đồng/người/ngày.

9. Chi hỗ trợ cho cán bộ được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý cho nạn nhân.

Mức chi thù lao là 10.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn nhưng không quá 500.000 đồng/cán bộ/tháng.

Điều 4. Nội dung và mức chi chế độ hỗ trợ trực tiếp cho nạn nhân

1. Chi hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại

a) Tiền ăn: Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian nạn nhân tạm trú tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân (sau đây gọi tắt là cơ sở) theo mức hỗ trợ đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Thời gian hỗ trợ không quá 03 tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP;

b) Hỗ trợ quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết: Nạn nhân trong thời gian lưu trú tại cơ sở được cấp vật dụng phục vụ sinh hoạt thường ngày và các chi phí khác theo khoản 4 Điều 26 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP;

c) Chi tiền tàu xe và tiền ăn cho nạn nhân có nguyện vọng trở về nơi cư trú nhưng không có khả năng chi trả

- Tiền tàu xe: Mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông. Trường hợp nạn nhân là người chưa thành niên, cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải cứu, hỗ trợ nạn nhân bố trí cán bộ đưa nạn nhân về nơi cư trú bằng phương tiện của cơ quan, đơn vị, chi phí tính theo số km thực tế và giá xăng tại thời điểm vận chuyển; trường hợp thuê xe bên ngoài thì giá thuê xe theo hợp đồng thỏa thuận và phù hợp với giá cả trên địa bàn cùng thời điểm;

- Tiền ăn trong những ngày đi đường: tối thiểu 70.000 đồng/người/ngày.

2. Chi hỗ trợ y tế

a) Đối với nạn nhân chưa có thẻ bảo hiểm y tế: trong thời gian lưu trú tại cơ sở được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí theo Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP;

b) Hỗ trợ tiền thuốc thông thường: Trong thời gian nạn nhân lưu trú tại cơ sở không ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế được hỗ trợ tiền thuốc thông thường theo thực tế phát sinh.

c) Trường hợp nạn nhân bị ốm nặng phải chuyển đến cơ sở y tế điều trị thì việc thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế thực hiện theo quy định của pháp luật bảo hiểm y tế;

d) Trường hợp nạn nhân chết trong thời gian lưu trú tại cơ sở, sau 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền mà thân nhân không đến kịp hoặc không có điều kiện mai táng thì cơ sở có trách nhiệm tổ chức mai táng. Chi phí giám định pháp y, chi phí mai táng thực hiện theo quy định đối với đối tượng tại các Trung tâm bảo trợ xã hội.

3. Chi hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu

a) Chi hỗ trợ học văn hóa, học nghề

- Nạn nhân được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021, Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định.

- Trường hợp nạn nhân học nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng được hỗ trợ một lần chi phí học nghề. Mức hỗ trợ theo chi phí đào tạo nghề ngắn hạn tương ứng tại các cơ sở đào tạo nghề ở địa phương nhưng tối đa không vượt quá mức quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.

b) Chi hỗ trợ một lần tiền trợ cấp khó khăn ban đầu đối với nạn nhân thuộc hộ nghèo khi trở về nơi cư trú mức tối thiểu là 1.000.000 đồng/người (hộ nghèo được hỗ trợ là hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập).

Điều 5. Nội dung và mức chi hỗ trợ nạn nhân trong thời gian chờ thu xếp về nước do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ từ Quỹ Bảo hộ công dân và pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài theo Quyết định số 119/2007/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 92/2013/TT-BTC ngày 08 tháng 7 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính Quỹ Bảo hộ công dân và pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài.

2. Trong thời gian chờ xác minh và làm các thủ tục giấy tờ cần thiết để về nước, trong trường hợp nạn nhân không có khả năng chi trả được hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại theo quy định tại Điều 33 Luật Phòng, chống mua bán người. Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Tiền ăn, chỗ ở tạm thời cho nạn nhân: áp dụng mức sinh hoạt phí cơ sở nhân với hệ số địa bàn quy định tại Nghị định số 08/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài;

b) Hỗ trợ quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết, trợ giúp phương tiện đi lại tại nước sở tại và các chi phí cần thiết khác liên quan đến cấp giấy tờ, làm thủ tục về nước như: lệ phí lưu trú quá hạn, lệ phí sân bay, lệ phí cấp giấy tờ về nước, chi phí bảo đảm an ninh, chi phí dịch thuật. Mức chi do Thủ trưởng cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài quyết định và theo chứng từ chi tiêu thực tế trên tinh thần tiết kiệm nhất;

c) Chi phí mua vé máy bay, tàu, xe đối với nạn nhân có nguyện vọng trở về nơi cư trú mà không có khả năng chi trả (do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài mua và cấp cho nạn nhân) theo giá vé phương tiện công cộng thông thường để đưa nạn nhân về đến cửa khẩu, biên giới đường không, đường bộ, đường thủy;

d) Trong thời gian chờ thu xếp về nước, nếu nạn nhân bị ốm phải điều trị tại các bệnh viện sở tại thì cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tập hợp các khoản chi phí kèm theo chứng từ cần thiết theo quy định để xem xét hỗ trợ chi trả cho từng trường hợp cụ thể. Trường hợp nạn nhân chết thì cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài xem xét, hỗ trợ chi phí mai táng/hỏa táng hoặc chi phí vận chuyển thi hài/di hài nạn nhân về nước theo cước phí vận chuyển thực tế với mức chi phí tiết kiệm nhất.

Điều 6. Lập, chấp hành và quyết toán kinh phí thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn nhân

1. Việc lập dự toán, phân bổ, chấp hành và quyết toán kinh phí thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân, chế độ hỗ trợ nạn nhân của các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

2. Thông tư này hướng dẫn việc hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương đối với cơ sở hỗ trợ nạn nhân ngoài công lập theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP như sau:

a) Hàng năm, cùng thời gian quy định lập dự toán ngân sách nhà nước, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ nội dung và mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại khoản 9 Điều 3, khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Thông tư này và dự kiến số lượng nạn nhân vào lưu trú tại cơ sở hỗ trợ nạn nhân trên địa bàn (nếu có), lập dự toán kinh phí hỗ trợ cơ sở hỗ trợ nạn nhân và tổng hợp chung trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, gửi Sở Tài chính xem xét, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện hỗ trợ kinh phí cho cơ sở hỗ trợ nạn nhân các chế độ cho nạn nhân quy định tại khoản 9 Điều 3, khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Thông tư này. Trường hợp không giải quyết hỗ trợ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2020.

2. Thông tư liên tịch số 134/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Căn cứ các mức chi quy định tại Thông tư này, tùy điều kiện cụ thể và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho phù hợp.

4. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp và kịp thời./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Hiếu